TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯƠNG MỸ - TP HÀ NỘI** *** * * ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 14/9/2018.
V/v: Tranh chấp HN&GĐ:

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tưởng Ngọc Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Tiến Lợi
2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký hiên tòa: Ông **Tô Mạnh Hà**, thư ký TAND huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Tuyết Mai** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14/9/2018 tại Trụ sở TAND huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/7/2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị D, sinh năm 1986; Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn L, xã P, huyện Ch, Thành phố H. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972; Đăng ký HKTT và cư trú: Thôn L, xã P, huyện C, Thành phố H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 26 tháng 6 năm 2018 và bản tự khai của chị Đặng Thị D trình bày:

Chị có đăng ký kết hôn với anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1972 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện C vào ngày 24/11/2007 trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H là người ham mê cá độ bóng đá dẫn đến nợ nần khiến chị phải tham gia gánh vác trả nợ. Năm 2010 thì H có bỏ nhà đi khoảng 2 tháng. Từ năm 2010 đến năm 2015 thì cũng có 3 lần chị viết đơn xin ly hôn, 2 lần anh H viết đơn ly hôn. Nhưng cứ sau mỗi lần viết đơn, vợ chồng cùng ký thì do gia đình tác động,

bản thân vợ chồng chị cũng nghĩ vì các con còn nhỏ nên không ai đến Tòa án nộp đơn ly hôn. Đỉnh điểm năm 2016 thì vợ chồng bất hòa mâu thuẫn thì anh Hưng có đánh chị ở nhà, sau đó chị lên UBND xã P báo cáo ông Thuần Phó chủ tịch UBND xã về việc mâu thuẫn, lúc đó anh H còn làm cán bộ UBND xã P. UBND xã có phân tích động viên chị thì chị lại về. Vợ chồng chị ly thân từ ngày 08/01 Âm lịch (khoảng tháng 2/2018) anh H đuổi chị và chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn L. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là: Nguyễn Tú O, sinh ngày 23/08/2008; Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/8/2010. Hiện cả hai con chung đều đang ở cùng với chị. Quan điểm trong trường hợp ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân H xác nhận và trình bày: Anh có kết hôn với chị Duyên trên cơ sở tự nguyện có đăng ký từ ngày 24/11/2007 tại UBND xã P. Trong quá trình chung sống, vợ chồng những năm đầu bình thường. Đến khoảng năm 2010 thì anh có việc đi vào nhà người thân ở tỉnh Sóc Trăng khoảng 2 tháng để lo thu xếp nguồn tài chính giải quyết việc cá nhân.

Đầu năm 2018 thì hai vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn trong gia đình do không có tiếng nói chung. Cuộc sống vợ chồng trở lên nặng nề, một hai lần vì mâu thuẫn vợ chồng có viết đơn nhưng xong lại xé bỏ đi. Chỉ từ khi chị D nộp đơn ly hôn xuống Tòa án thì chính thức không về nhà anh nữa. Bản thân anh làm cán bộ công chức văn phòng UBND xã P đến cuối năm 2017 do một số lý do cá nhân nên anh xin nghỉ. Bản thân anh tuy có một số vấn đề về nợ nần, tài chính nhưng anh vẫn có sự quan tâm về tình cảm và vật chất với vợ con.

Nay chị D khởi kiện anh ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì những lý do sau: Bản thân anh chưa khi nào nghĩ rằng anh sẽ ly hôn với chị D. Và anh không muốn nếu ly hôn thì các con anh sẽ thiếu bố, thiếu mẹ.

Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 2 con chung là: Nguyễn Tú O, sinh ngày 23/08/2008; Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/8/2010. Hiện cả hai con chung đều đang ở cùng với chị D. Quan điểm trong trường hợp ly hôn tôi đề nghị được nuôi cả hai con chung. Nếu trường hợp không được nuôi cả hai con chung thì tôi

nguyện vọng nuôi một con chung, con chung nào cũng được. Tôi không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên quan điểm của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và xin được nuôi con chung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không có kết quả do anh H muốn vợ chồng đoàn tụ còn chị D tha thiết xin được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các bên được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho chị D được ly hôn với anh H; về con chung giao hai con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; về tài sản chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị D đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 04/8/2018 anh H vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh H vắng mặt lần hai, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung: Hôn nhân giữa chị D và anh H trên cơ sở có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung không hạnh phúc. Nguyên nhân do vợ chồng không bảo ban được nhau, vợ chồng có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Việc anh H xin được đoàn tụ nhưng trong thời gian vợ chồng sống cùng nhau và quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh H cũng không đưa ra được phương pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ hôn nhân giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị D có đơn đề nghị ly hôn với anh H là hoàn toàn

tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Vợ chồng anh, chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Tú O, sinh ngày 23/8/2008 và cháu Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/8/2010 hiện nay cả hai cháu đang ở cùng với chị D, tại buổi hòa giải ngày 27/7/2018 anh H, chị D đều thống nhất nếu phải ly hôn giao hai con chung cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu của các bên là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử giao cháu O và cháu M cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi có yêu cầu khác. Anh H có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

[4.] Về tài sản chung: Chị D và anh H đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung và không vay nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án xử thì chị D phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị Đặng Thị D được ly hôn anh Nguyễn Xuân H.

Về con chung: Xác nhận anh H, chị D có 02 con chung là cháu Nguyễn Tú O, sinh ngày 23/8/2008 và cháu Nguyễn Tuệ M, sinh ngày 06/8/2010. Giao cháu O và cháu M cho chị D tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh H đến khi có yêu cầu mới. Anh H có quyền thăm non con chung, không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Đặng Thị D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003462 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự báo cho chị D biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND thành phố Hà Nội;
-VKSND huyện Chương Mỹ;
-Chi cục THA huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phụng Châu;
-Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tưởng Ngọc Tuấn

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - chủ toạ phiên toà**